TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2023/DS-ST.
Ngày: 24/8/2023.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thành.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Ánh Sáng.**
2. Bà **Nguyễn Thị Thu Hà.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 369/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 899/2023/QĐST-DS ngày 04/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP V**.

Địa chỉ trụ sở: phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành Tr – chức vụ: Phó giám đốc Trung T xử lý nợ pháp lý. (Văn bản ủy quyền số 25/2020 ngày 07/7/2020).

Người được ủy quyền lại:

1. Ông Huỳnh Tiến N – chức vụ: Cán bộ xử lý nợ .
2. Ông Hà Vạn P – chức vụ: Cán bộ xử lý nợ.

(Văn bản ủy quyền số 2979/2023/UQ-VPB ngày 03/7/2023)

Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, Tòa nhà ACM số 96 Cao Thắng, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Viết Thanh T**, sinh năm 1974.

Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

(Ông N có mặt, ông T, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ghi ngày 15/8/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Huỳnh Tiến N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/12/2016 ông Phạm Viết Thanh T và bà Vũ Thị H có ký hợp đồng tín dụng số LN1611300003530/QN2/HĐTD với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền 546.000.000đ (năm trăm bốn mươi sáu triệu đồng), thời hạn vay 72 tháng từ ngày 05/12/2016 đến ngày 05/12/2022, mục đích vay để mua xe ô tô, lãi suất 9,8% cố định trong 12 tháng đầu, từ ngày 05/12/2017 được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng + biên độ 5%/năm, từ ngày 01/01/2018 lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần. Để đảm bảo cho việc trả nợ thì ông T, bà H có ký hợp đồng thế chấp 01 chiếc xe tải nhãn hiệu DONGFENG, số loại DF1160, biển số 60C-321.20, số khung B137G1817173, số máy 703378307534 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050735 do phòng CSGT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/12/2016, hợp đồng thế chấp số LN1611300003530/QN2/HĐTCSP ngày 02/12/2016, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/12/2016.

Ngày 14/12/2019 ông T, bà H tiếp tục ký hợp đồng tín chấp để vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Thực hiện theo hợp đồng T, bà H đã nhận đủ số tiền và thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng đến ngày 06/5/2020 thì không tiếp tục thanh toán. Kể từ ngày 06/5/2020 ông T, bà H không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở.

Nay ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan đến hợp đồng tín dụng số LN1611300003530/QN2/HĐTD ký ngày 02/12/2016, tạm tính đến ngày xét xử 24/8/2023 là 399.137.820 đồng, trong đó nợ gốc là 235.056.000 đồng, nợ lãi là 164.081.820 đồng

Buộc ông T, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan đến hợp đồng tín chấp số

LD1934800262 ký ngày 14/12/2019, tạm tính đến ngày xét xử 24/8/2023 là 169.022.995 đồng, trong đó nợ gốc là 82.467.003 đồng, nợ lãi là 86.555.992 đồng.

Yêu cầu ông T, bà H phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 25/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông T, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là 01 chiếc xe tải nhãn hiệu DONGFENG, số loại DF1160, biển số 60C-321.20, số khung B137G1817173, số máy 703378307534 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050735 do phòng CSGT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/12/2016 đứng tên bà Vũ Thị H để bảo đảm thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ thì ông T, bà H tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Bị đơn ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn thể hiện: Giữa Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quận 2 với ông T, bà H đã cùng ký kết với nhau hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1/ Hợp đồng cho vay số LN1611300003530/QN2/HĐTD ký ngày 02/12/2016 kiêm KUNN số 01/LN1611300003530/QN2/HĐTD ký ngày 05/12/2016, số tiền vay 546.000.000đ; thời hạn vay 72 tháng từ ngày 05/12/2016-05/12/2022. Mục đích vay mua xe ô tô tải DONGFENG, số loại DF 1160. Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân 9,8%/năm; cố định lãi suất trong 12 tháng đầu. Từ ngày 05/12/2017 được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng + biên độ 5%/năm. Từ ngày 01/01/2018 lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần.

2/ Hợp đồng vay tín chấp ngày 14/12/2019, số tiền vay 100.000.000đ, lãi suất 20%/năm.

Theo hợp đồng thế chấp số LN1611300003530/QN2/HĐTD ký ngày 02/12/2016. Quá trình vay ông T, bà H thanh toán đến ngày 6/5/2020 thì không thanh

toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông bà trả nợ nhưng ông bà không thực hiện. Vì vậy, khoản vay chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 06/5/2020.

Tính đến ngày 24/8/2023, ông T, bà H còn nợ lại tại VPBank các khoản như sau:

1/ Hợp đồng cho vay số LN1611300003530/QN2/HĐTD ký ngày 02/12/2016 kiêm KUNN số 01/LN1611300003530/QN2/HĐTD ký ngày 05/12/2016, là 399.137.820đ; trong đó nợ gốc là 235.056.000đ, nợ lãi là 164.081.820đ.

2/ Hợp đồng vay tín chấp ngày 14/12/2019, là 169.022.995đ, gốc là 82.467.003đ; lãi suất 86.555.992đ.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà H phải thanh toán cho VPBank số tiền nợ theo quy định tại các HĐTD là 568.160.815 đồng.

Xét thấy quá trình vay nợ ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ vay, gốc và lãi với số tiền gốc, lãi 568.160.815 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên căn cứ theo Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn: Buộc ông T, bà H thanh toán cho Ngân hàng V với số tiền gốc, lãi nêu trên.

Đối với Tài sản bảo đảm thế chấp là ô tô tải DONGFENG, số loại DF 1160, biển số 60C - 321.20; số khung B137G1817173, số máy 7033783075534, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050735 cấp ngày 01/12/2016 đứng tên bà Vũ Thị H được phát mãi để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay trong trường hợp bị đơn không thanh toán các khoản nợ vay gốc, lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H có đăng ký thường trú và có địa chỉ cư trú cuối cùng ở ấp tập Phước, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng ngày 02/12/2016 và hợp đồng tín chấp ngày 14/12/2019 thì xác định việc vay tài sản giữa ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H với ngân hàng TMCP V được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 để giải quyết.

[5]. Về nội dung: Nguyên đơn ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan đến hợp đồng tín dụng số LN1611300003530/QN2/HĐTD ký ngày 02/12/2016, tạm tính đến ngày xét xử 24/8/2023 là 399.137.820 đồng, trong đó nợ gốc là 235.056.000 đồng, nợ lãi là 164.081.820 đồng

Buộc ông phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan đến hợp đồng tín chấp số LD1934800262 ký ngày 14/12/2019, tạm tính đến ngày xét xử 24/8/2023 là 169.022.995 đồng, trong đó nợ gốc là 82.467.003 đồng, nợ lãi là 86.555.992 đồng.

Quá trình làm việc từ khi thụ lý đến khi xét xử Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H đến Tòa làm việc và cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T, bà H không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản phản hồi. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn ngân hàng TMCP V cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định vào ngày 02/12/2016 ông Phạm Viết Thanh T và bà Vũ Thị H có ký hợp đồng tín dụng số LN1611300003530/QN2/HĐTD với Ngân hàng TMCP V (VPBank) để vay số tiền 546.000.000đ (năm trăm bốn mươi sáu triệu đồng), thời hạn vay 72 tháng từ ngày 05/12/2016 đến ngày 05/12/2022. Để đảm bảo cho việc trả nợ thì ông T, bà H có ký hợp đồng thế chấp 01 chiếc xe tải nhãn hiệu DONGFENG, số loại DF1160, biển số 60C-321.20 đứng tên bà Vũ Thị H.

Ngày 14/12/2019 ông T, bà H tiếp tục ký hợp đồng tín chấp để vay của Ngân hàng TMCP V (VPBank) số tiền 100.000.000 đồng

[6]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về số tiền nợ gốc:

Đối với hợp đồng tín dụng LN1611300003530/QN2/HĐTD ngày 02/12/2016: Căn cứ hợp đồng tín dụng ký ngày 02/12/2016 và khế ước nhận nợ ngày 05/12/2016 thì hàng tháng ông T, bà H phải trả tiền gốc cho ngân hàng là 7.584.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà H

đã thanh toán cho ngân hàng được 310.944.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại 235.056.000 đồng.

Đối với hợp đồng tín chấp số LD1934800262 ký ngày 14/12/2019 thì quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà H đã thanh toán được 17.532.997 đồng tiền gốc và còn nợ lại 82.467.003 đồng.

Tính đến ngày 24/8/2023 tổng số tiền gốc ông T, bà H còn nợ ngân hàng đối với hai hợp đồng là 317.523.003 đồng.

Do ông T, bà H vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông T, bà H phải trả lại toàn bộ số tiền gốc 317.523.003 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì hàng tháng ông T, bà H phải thanh toán tiền lãi cho ngân hàng vào ngày 05 tây hàng tháng, tuy nhiên từ ngày 06/5/2020 ông T, bà H không trả lãi cho ngân hàng nên căn cứ theo quy định trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết thì toàn bộ số tiền gốc sẽ chuyển thành nợ quá hạn.

Do ông T, bà H vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết, vì vậy, nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông T, bà H phải trả tiền lãi của hợp đồng tín dụng LN1611300003530/QN2/HĐTD ngày 02/12/2016 tính từ ngày 05/6/2020 đến ngày xét xử 24/8/2023 với số tiền là 164.081.820 đồng và tiền lãi của hợp đồng tín chấp số LD1934800262 ký ngày 14/12/2019 tính từ ngày 05/6/2020 đến ngày xét xử 24/8/2023 với số tiền là 86.555.992 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tổng cộng số tiền ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 568.160.815 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 317.523.003 đồng, nợ lãi là 250.637.812 đồng).

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 35, 39, 227, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 351, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H.

Buộc ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 568.160.815 đồng (năm trăm sáu mươi tám triệu một trăm sáu mươi ngàn tám trăm mười lăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 317.523.003 đồng, nợ lãi là 250.637.812 đồng.

Kể từ ngày 25/8/2023 ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H còn phải chịu các khoản lãi phát sinh tính theo mức thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc.

Tài sản bảo đảm thi hành án: 01 chiếc xe tải nhãn hiệu DONGFENG, số loại DF1160, biển số 60C-321.20, số khung B137G1817173, số máy 703378307534 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050735 do phòng CSGT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/12/2016, hợp đồng thế chấp số LN1611300003530/QN2/HĐTCSP ngày 02/12/2016, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tậm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/12/2016.

2. Về án phí: Ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H phải chịu 13.363.216 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng VP Bank số tiền 12.280.139 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006588 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Ngân hàng TMCP V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Phạm Viết Thanh T, bà Vũ Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- THA huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Thành

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Long Thành, ngày 28 tháng 6 năm 2013.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong.

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Trọng Đức.

2/ Ông Phạm Văn Huynh.

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi 09 giờ 15 phút, ngày 28 tháng 6 năm 2013, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án ly hôn giữa các đương sự:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ý kiến của hội thẩm 1: Chị Kiều và anh Phong xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp

pháp.Trong thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân là do anh Phong thường xuyên cờ bạc, cá độ đá bóng, không có trách nhiệm với vợ con và gia đình và hay đánh chị Kiều nên vợ chồng thường xuyên cãi vả, gây gổ nhau. Các đương sự xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắ đoàn tụ, chị Kiều xin ly hôn anh Phong đồng ý thuận tình, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự.

Về con chung các đương sự đều có tranh chấp về việc nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng anh Phong hiện đang ở trọ và cũng vừa đi làm lại chưa có thu nhập ổn định. Chị Kiều hiện đang có công việc và thu nhập ổn định hơn, đồng thời cháu Loan là gái, vừa tròn 03 tuổi hiện tại đang được chị Kiều nuôi dưỡng, để đảm bảo T lý cho trẻ được phát triển bình thường không bị xáo trộn sau khi cha mẹ ly hôn nên xử giao cháu Loan cho chị Kiều tiếp tục nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con chị Kiều không có yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xét. Hội thẩm 2 và chủ tọa nhất trí với ý kiến của hội thẩm 1. Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng các Điều 27; 33 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 90; 92; 93; 94 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 02/2000 ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết 01/2012/NQ.HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội thẩm 2 và chủ tọa nhất trí với ý kiến của hội thẩm 1. Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Các vấn đề khác: Ý kiến của hội thẩm 1: Chị Bùi THị Thu Kiều là người xin ly hôn nên phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.; Hội thẩm 2 và chủ tọa nhất trí với ý kiến của hội thẩm 1. Kết quả biểu quyết: 3/3.

Hội đồng xét xử quyết đinh.

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu Kiều và anh Trần Anh Phong.

Về con chung: Xử giao cháu Trần Phương Nhã Kỳ, sinh ngày 18/3/2010 cho chị Bùi Thị Thu Kiều tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời anh Trần Anh Phong không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Phong được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xét.

2. Chị Bùi Thị Thu Kiều phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 01448 ngày 14/3/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành (chị Kiều đã nộp đủ tiền án phí).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biên bản lập xong có đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**